

Số: 199 /BC-MN

An Hội, ngày 15 tháng 11 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm học 2024 - 2025

(Về việc thực hiện công khai theo quy định Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân)

I. THÔNG TIN CHUNG ¹

- Tên cơ sở giáo dục: **TRƯỜNG MẦM NON SAO MAI**
 - Địa chỉ trụ sở chính: 79C1 đường Hoàng Lam, phường An Hội, Thành phố Bến Tre
 - Điện thoại: 02753.823.857
 - Địa chỉ thư điện tử: mnsaomaitp@bentre.edu.vn
 - Cổng thông tin điện tử: <https://mamnonsaomai.bentre.edu.vn/>
 - Loại hình: Cơ sở giáo dục mầm non công lập
 - Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.
 - Nhà trường cam kết về chất lượng giáo dục, cung cấp một môi trường giáo dục an toàn, thân thiện và đầy tình yêu thương, mục đích tạo điều kiện cho trẻ được tôn trọng, tự do thể hiện bản thân và phát triển toàn diện.
- Sứ mệnh theo phương châm "Cháu vui khỏe, cô hạnh phúc".
- Giá trị cốt lõi: Làm việc với tinh thần trách nhiệm "Cô giáo là người mẹ thứ hai của trẻ".
- Nhà trường định hướng trở thành một trường mầm non có chất lượng tốt, được phụ huynh tin tưởng. Từng bước nâng cao chất lượng giáo viên, xây dựng đội ngũ giáo viên chuyên nghiệp, tận tâm, không ngừng học hỏi và đổi mới phương pháp giảng dạy, thực hiện giáo dục theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm.
 - Thực hiện các mục tiêu giáo dục giúp trẻ hình thành những phẩm chất và kỹ năng cần thiết để sẵn sàng cho giai đoạn học tập tiếp theo như tính tự lập, tự tin, ngôn ngữ mạch lạc và các giá trị cơ bản như yêu thương, tôn trọng, định hướng phát triển trở thành một ngôi trường thân thiện, có chất lượng giáo dục tốt, được xã hội và phụ huynh tin cậy.
- Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.
- Trường Mầm non Sao Mai trước đây là Trường Mẫu giáo Sao Mai, được

¹ Bao gồm các thông tin được quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

thành lập ngày 01 tháng 9 năm 1991, hoạt động một buổi. Được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, trường xây dựng mới với qui mô 06 nhóm lớp bán trú tại điểm phường An Hội và 03 lớp học 2 buổi/ ngày tại điểm lẻ (phường Sơn Đông), trường được chuyển thành Trường Mầm non Sao Mai theo Quyết định số 1096/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Bến Tre.

Trường Mầm non Sao Mai là là cơ sở giáo dục mầm non trong hệ thống giáo dục quốc dân, trực thuộc quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Bến Tre; có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và được cấp ngân sách để đảm bảo các hoạt động của giáo dục và đào tạo của Nhà trường theo quy định Pháp luật.

Hằng năm, đơn vị duy trì hoạt động với quy mô và số lượng trên cơ sở dân số địa phương và cơ sở vật chất hiện có của nhà trường. Trường Mầm non Sao Mai có chức năng chủ yếu là tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ theo Chương trình Giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục ban hành. Trường tổ chức thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em trong độ tuổi từ nhóm tuổi nhà trẻ nhỏ (19-24 tháng tuổi) đến độ tuổi khối lớp mẫu giáo lá (5-6 tuổi).

Năm học 2024-2025, trường hoạt động với quy mô gồm 10 nhóm, lớp, trong đó khối mẫu giáo gồm: 02 lớp mầm, 03 lớp chồi, 03 lớp lá; Khối lớp Nhà trẻ gồm 02 nhóm trẻ (01 nhóm độ tuổi 13-24 tháng; 01 nhóm độ tuổi 25-36 tháng)

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

Họ và tên: Huỳnh Thị Kim Phương Chức vụ: Phó hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: 79C1 đường Hoàng Lam, phường An Hội, Thành phố Bến Tre

Số điện thoại: 02753.823.857

Địa chỉ thư điện tử: huynhthikimphuongbt74@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập (sáp nhập):

Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Quyết định số 1096/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Bến Tre.

b) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục;

- Phó hiệu trưởng (Cô Huỳnh Thị Kim Phương) được bổ nhiệm lại kể từ ngày 01/8/2025 theo Quyết định số 2316/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Ủy Ban nhân dân Thành phố Bến Tre.

. Nhiệm kỳ bổ nhiệm 05 năm.

- Phó hiệu trưởng (Cô Nguyễn Thị Ngọc Hân) được bổ nhiệm lại kể từ ngày 01/8/2023 theo Quyết định số 2321/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Ủy Ban nhân dân Thành phố Bến Tre.

. Nhiệm kỳ bổ nhiệm 05 năm.

c) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

- Trường Mầm non Sao Mai được tổ chức và hoạt động theo quy định Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ Trường mầm non và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Sơ đồ cơ cấu tổ chức:

d) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên: Trường Mầm non Sao Mai không có đơn vị trực thuộc

đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục

(1) Phó Hiệu trưởng: Huỳnh Thị Kim Phương

Số điện thoại: 0839969777

Thư điện tử: huynhthikimphuongbt74@gmail.com

Địa điểm làm việc: 79C1 đường Hoàng Lam, phường An Hội, Thành phố Bến Tre

Nhiệm vụ: Quản lý, điều hành chung công việc của nhà trường.

(2) Phó Hiệu trưởng: Nguyễn Thị Ngọc Hân

Số điện thoại: 0939761764

Thư điện tử: namhankhang@gmail.com

Địa điểm làm việc: 79C1 đường Hoàng Lam, phường An Hội, Thành phố Bến Tre

Nhiệm vụ: Phụ trách chuyên môn, phụ trách công tác phổ cập, tài sản.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

Năm học 2024-2025, thực hiện Kế hoạch số 172/KH-MN ngày 07/10/2024 Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025 của Trường Mầm non Sao Mai đã được UBND thành phố Bến Tre phê duyệt.

Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục: Quy chế thực hiện dân chủ cơ sở được ban hành kèm theo Quyết định 59QĐ-MN ngày 24/10/2024 của Trường Mầm non Sao Mai.

Nghị quyết của Hội nghị Viên chức, người lao động năm học 2024-2025

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN ²

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

	Viên chức quản lý (HT, PHT)	Viên chức chuyên môn (giáo viên)	Viên chức nghiệp vụ (nhân viên)
Chia theo vị trí việc làm	01 (02 Phó Hiệu trưởng)	23 giáo viên (Giáo viên nhà trẻ: 05; Giáo viên mẫu giáo: 18)	02 nhân viên (Kế toán: 01; y tế: 01)
Chia theo trình độ đào tạo	Đại học: 02	Đại học: 16 Cao đẳng: 04	Đại học: 01 Trung cấp: 01

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp;

	Số lượng	Đạt chuẩn nghề nghiệp, tỷ lệ	Chưa đạt chuẩn nghề nghiệp, tỷ lệ
Viên chức quản lý	02	2/2, tỷ lệ 100 %	0/2, tỷ lệ 0 %
Giáo viên	23	23/23, tỷ lệ 100 %	0/23, tỷ lệ 0 %

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định

	Số lượng	Hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định	Chưa hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định
Viên chức quản lý	02	2/2, tỷ lệ 100 %	0/3, tỷ lệ 0 %
Giáo viên	23	23/23, tỷ lệ 100 %	0/20, tỷ lệ 0 %
Nhân viên	02	2/2, tỷ lệ 100 %	0/2, tỷ lệ 0 %

² Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT ³

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

	Diện tích đất	Diện tích xây dựng sử dụng	Tổng số trẻ	Diện tích bình quân/trẻ	So sánh yêu cầu tối thiểu ⁴
Điểm chính: 79 C1 Hoàng Lam, phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long	1.339,1 m ²	978 m ²	217 trẻ	4,5 m ² /trẻ (Bình quân diện tích đất: 6.17 m ² /trẻ)	- Mật độ xây dựng chiếm 73,03%: vượt yêu cầu (quy định là 40%) - Diện tích bình quân/trẻ: không đạt (quy định là 12 m ² /trẻ)
Điểm lẻ: Khu phố Bình Nghĩa, phường Sơn Đông, tỉnh Vĩnh Long	448 m ²	242 m ²	53 trẻ	4,56 m ² /trẻ (Bình quân diện tích đất: 8,4 m ² /trẻ)	- Mật độ xây dựng chiếm 54,01%: vượt yêu cầu (quy định là 40%) - Diện tích bình quân/trẻ: không đạt (quy định là 12 m ² /trẻ)

b) Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn; khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

	Số lượng	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định
Khối phòng hành chính quản trị	7	Đủ theo quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT
Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em	09	Đủ theo quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT
Khối phụ trợ	05	Đủ theo quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT
Hạ tầng kỹ thuật	05	Đủ theo quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT

³ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 8, khoản 2 Điều 10 Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁴ Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

c) Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Đáp ứng cơ bản 85% so với yêu cầu quy định

d) Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác.

Đáp ứng cơ bản 90% so với yêu cầu quy định

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ⁽⁵⁾

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

Đơn vị tự đánh giá năm 2025: đạt mức độ 1

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm: Chưa đủ điều kiện đánh giá đạt Chuẩn Quốc gia.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC ⁽⁶⁾ (đối sánh số liệu với năm trước liền kề.)

2. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước:

a) Tổng số trẻ em; tổng số nhóm, lớp; số trẻ em tính bình quân/nhóm, lớp (hoặc nhóm, lớp ghép);

+ Quy mô nhóm, lớp (đến thời điểm cuối năm học)

	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	So cùng kỳ	
			Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
Số nhóm, lớp	10	10	0	100 %
Nhóm trẻ	2	2	0	100 %
Lớp Mầm	2	2	0	100 %
Lớp Chồi	3	3	0	100 %
Lớp Lá	3	3	0	100 %

Quy mô nhóm, lớp không tăng, giảm so với năm học 2023-2024

Tỷ lệ quy mô nhóm, lớp so với kế hoạch nhiệm vụ năm học 2024-2025: 10/10 - tỷ lệ 100%. Trong đó: lớp bán trú: đạt 8/8 nhóm, lớp; lớp không bán trú đạt 2/2 lớp - tỷ lệ 100%.

+ Quy mô trẻ

⁵ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 3 Điều 6, khoản 3 Điều 8, khoản 3 Điều 10 Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁶ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2, 3 Điều 7, khoản 2, 3 Điều 9, khoản 2, 3 Điều 11 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề

	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	So cùng kỳ	
			Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ so cùng kỳ
Tổng số trẻ	285	270	- 15	94,73 %
Nhóm trẻ	51	45	- 6	88,23 %
Lớp Mầm	55	50	- 5	90,9 %
Lớp Chồi	92	76	- 16	82,6 %
Lớp Lá	87	99	+12	113,79%

Trong đó, số trẻ khối lớp bán trú: 227 (Nhà trẻ: 51; Mẫu giáo: 176); Khối lớp 02 buổi/ngày không bán trú: 58 trẻ.

Tỷ lệ huy động của nhà trường so với chỉ tiêu tuyển sinh được phê duyệt theo Kế hoạch 113/KH-MN ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Trường Mầm non Sao Mai về việc tuyển sinh năm học 2024-2025 đạt: 270 trẻ, tỷ lệ: 100 %, trong đó:

Nhóm trẻ: 45/45 trẻ, đạt 100%

Lớp mẫu giáo: 225/225 đạt 83,18%

Tỷ lệ huy động trẻ em đạt so với kế hoạch tuyển sinh.

b) Số trẻ em học nhóm, lớp ghép (nếu có);

Năm học 2024-2025, trường có 01 nhóm, lớp ghép.

c) Số trẻ em học 02 buổi/ngày;

- Mầm 2: 13 trẻ

- Chồi 3: 13 trẻ

- Lá 3: 27 trẻ

d) Số trẻ em học bán trú;

- Nhóm trẻ 19-24 tháng: 18 trẻ

- Nhóm trẻ 25-36 tháng: 27 trẻ

- Mầm 1: 37 trẻ

- Chồi 1: 29 trẻ; Chồi 2: 34 trẻ

- Lá: 36 trẻ; Lá 2: 36 trẻ

đ) Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ;

Số trẻ em được theo dõi sức khỏe: 270/270 trẻ (tỷ lệ 100%)

Số trẻ em được kiểm tra sức khỏe định kỳ: 270/270 trẻ (tỷ lệ 100%)

e) Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi;

Trường thực hiện hồ sơ và được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục năm 2024 theo Quyết định công nhận số 5539/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre.

g) Số trẻ em khuyết tật: 0

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng trẻ em đang học (chia theo số lượng trẻ em là người Việt Nam và số lượng trẻ em là người nước ngoài).

- Tiếp tục thực hiện cho trẻ làm quen với tiếng Anh trong trường mầm non theo Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT; Hướng dẫn tại công văn số 2387/BGDĐT-GDMN ngày 09 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và chủ trương phê duyệt tại Công văn 4510/UBND-VHXXH ngày 12/12/2024 của UBND thành phố Bến Tre

Thời gian tổ chức từ tháng 12/2024 đến khi kết thúc năm học 2024-2025.

Số trẻ tham gia: 03 lớp/73 trẻ tại điểm chính.

- Tổ chức mở lớp Thể dục nhịp điệu được chủ trương phê duyệt tại Công văn 4510/UBND-VHXXH ngày 12/12/2024 của UBND thành phố Bến Tre.

Thời gian tổ chức từ tháng 12/2024 đến khi kết thúc năm học 2024-2025.

Số trẻ tham gia: 07 lớp/192 trẻ tại 02 điểm trường

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH ⁽⁷⁾ (đối sánh số liệu với năm trước liền kề.)

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

- Nguồn kinh phí Nhà nước cấp: 4.375.477.100 đồng (Theo Quyết định số 10/QĐ-PGD&ĐT ngày 15/01/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo TP Bến Tre)

- Thu học phí: Mang sang 141.477.479 đồng; Thu: 345.052.510 đồng

Chi: 163.575.324 đồng; Tồn: 322.954.655 đồng.

- Thu hỗ trợ các hoạt động khác theo quy định:

Tiếng Anh: 8.414.777đồng; Thể dục nhịp điệu: 2.200.000 đồng.

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua

sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

(phụ lục công khai tài chính của bộ phận kế toán)

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

- Kinh phí miễn học phí (trẻ 5 tuổi được miễn theo Nghị định 81): 76.282.000 đồng (99 bé).

- Hỗ trợ ăn trưa: 4.320.000 đồng (3 bé);

- Hỗ trợ Chi phí học tập: 2.700.000 đồng (3 bé).

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

(phụ lục công khai tài chính của bộ phận kế toán)

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

- Chấn chỉnh về chế độ công vụ, nâng cao năng lực công tác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

- Số trường hợp vi phạm bị xử lý bằng văn bản: 0 trường hợp

- Thực hiện đầy mạnh thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng CNTT trong quản lý, giảng dạy.

Đánh giá: Thực hiện tốt.

Nơi nhận:

- Trường Mầm non Sao Mai;
- Lưu: VT, PHT.

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Huỳnh Thị Kim Phương